TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;

2. Ông Đỗ Thanh Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trúc G., sinh ngày 18/6/1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Hòa T., xã Đ., huyện Thoại S., tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Kimothy Ray F., sinh ngày 13/10/1960 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: 821 10th Street Port A., T. 77640 USA

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G. trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Kimothy Ray F. quen biết do mai mối và tìm hiểu để đi đến hôn nhân, cả hai có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 17/3/2011. Sau khi kết hôn, sinh con và cho đến nay con chung của hai người đã hơn 10 tuổi nhưng ông Kimothy chỉ về Việt Nam thăm vợ con được 2 lần thì

không về nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Kimothy Ray F..

- Về con chung: Cả hai có 01 con chung tên Nguyễn Kim B., sinh ngày: 19/4/2010. Hiện cháu B. đang sống với bà G.. Khi nộp đơn khởi kiện, bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Kimothy Ray F. cấp dưỡng nuôi con; tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn ông Kimothy Ray F.*: Đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng quy định của Công ước tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại. Bộ Tư pháp đã có văn bản trả lời đã nhận được toàn bộ hồ sơ ủy thác cho bị đơn ông Kimothy Ray F. tuy nhiên không thể tiến hành tống đạt được cho ông Kimothy Ray F. do địa chỉ không chính xác. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tiến hành thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ nhưng đến nay đã hơn một tháng từ ngày thông báo công khai ông Kimothy Ray F. vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G..

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Trúc G. khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kimothy Ray F. có địa chỉ cư trú tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Kimothy Ray F., Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G. và bị đơn ông Kimothy Ray F. thông qua sự giới thiệu đã tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 17/3/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn và sinh con thì ông Kimothy Ray F. chỉ về Việt Nam thăm vợ con được 2 lần thì không về nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ cả hai phía; tuy nhiên tình cảm giữa bà Nguyễn Trúc G. và ông Kimothy Ray F. đã không còn, mục đích hôn nhân đã không đạt. Do đó, bà Nguyễn Trúc G. yêu cầu ly hôn ông Kimothy Ray F. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo bà G. trình bày, bà và ông Kimothy Ray F. có 01 con chung tên Nguyễn Kim B., sinh ngày 19/4/2010. Nhưng căn cứ vào giấy khai sinh của cháu Bâu thì không thể hiện họ tên cha, chỉ có họ tên mẹ là Nguyễn Trúc G.; còn về phía ông Kimothy Ray F., do ông không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của ông. Tuy nhiên, do bà G. không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Trúc G. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tống đạt, ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G.;

1. Bà Nguyễn Trúc G. được ly hôn với ông Kimothy Ray F.. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 17/3/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Ghi nhận việc bà Nguyễn Trúc G. xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Nguyễn Trúc G. và ông Kimothy Ray F. trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Trúc G. và ông Kimothy Ray F. phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Trúc G. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003323 ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Trúc G. phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006860 ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

6. Về chi phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Trúc G. phải chịu 2.979.840 đồng theo Văn bản số 606/CTHADS-VP ngày 10/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, được khấu trừ 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004386 ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà G. được nhận lại 20.160 đồng (hai mươi ngàn một trăm sáu mươi đồng).

7. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Trúc G. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Kimothy Ray F. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- UBND huyện Thoại S.;
- Phòng KTNV & THA;
- Tòa GĐ & NCTN
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đương sự "để thi hành";
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng